Điểm báo tuần (25/11–29/11)

Phạm Hải Hoàng CFA, MBA
+84 64 211 065
Hoang.pham@nhsv.vn

Tổng hợp:
Thị trường giảm mạnh trong ngày thứ 5, và đi ngang trong 4 phiên còn lại: Hầu hết các ngành đều giảm, ngoại trừ dược phẩm y tế, công nghệ thông tin, và nguyên vật liệu. Thanh khoản cũng giảm ở hầu hết các ngành, ngoại trừ ngành dịch vụ tiêu dùng

1 số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô đã được công bố, trong đó quan trọng nhất là CPI. CPI tháng 11/2019 tăng 0,96% so với tháng trước, cao nhất giữa các tháng trong 9 năm qua. Lý do chính là giá thịt lợn tăng cao. Tuy nhiên, tính bình quân 11 tháng, chỉ số giá tiêu dùng chỉ tăng 2,57% so với cùng kỳ năm 2018, là mức tăng bình quân 11 tháng thấp nhất trong 3 năm gần đây.

Triển vọng tuần này phụ thuộc vào vận động của TTCK trong tháng 12 (tháng cuối của năm) và việc quỹ ETF FTSE công bố danh mục mới trong kỳ tái cơ cấu. TTCK Việt Nam thường giảm điểm trong tháng 11 và 12. Tuy nhiên, có thể kỳ vọng vào tuần cuối của tháng 12, các quỹ đầu tư sẽ đẩy NAV cuối năm, và TTCK sẽ lấy lại đà tăng điểm và xu hướng twang từ tuần cuối của tháng 12.

Vn-Index – 1 tháng

Giao dịch trong tuần

	Vn-Index	HNX
Đóng cửa	970.75	102.5
Tăng/giảm (+/-)	-7.03	-0.59
Tăng giảm (%)	-0.7%	-0.6%
Khối lượng trung bình (Triệu)	149.4	17.9
Giá trị trung bình (Tỷ)	3,064	215.3
Giao dịch khối ngoại (Tỷ)	49.5	-17.8
PE	15.87	9.03
PB	2.35	1.00
Vốn hóa (K tỷ)	3,317	186

Tổng kết tuần trước

- Vn-Index : 970.75 (-0.7%)
  Giá trị giao dịch trung bình : 3,064 tỷ (-16.7%)

- Thị trường giảm mạnh trong ngày thứ 5, và đi ngang trong 4 phiên còn lại:
  ✓ Hầu hết các ngành đều giảm, ngoại trừ dược phẩm y tế, công nghệ thông tin, và nguyên vật liệu.
  ✓ Thanh khoản cũng giảm ở hầu hết các ngành, ngoại trừ ngành dịch vụ tiêu dùng

- 1 số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô đã được công bố, trong đó quan trọng nhất là CPI. CPI tháng 11/2019 tăng 0,96% so với tháng trước, cao nhất giữa các tháng tr ong 9 năm qua. Lý do chính là giá thịt lợn tăng cao. Tuy nhiên, tính bình quân 11 tháng, chỉ số giá tiêu dùng chỉ tăng 2,57% so với cùng kỳ năm 2018, là mức tăng bình quân 11 tháng thấp nhất trong 3 năm gần đây.

Vận động ngành

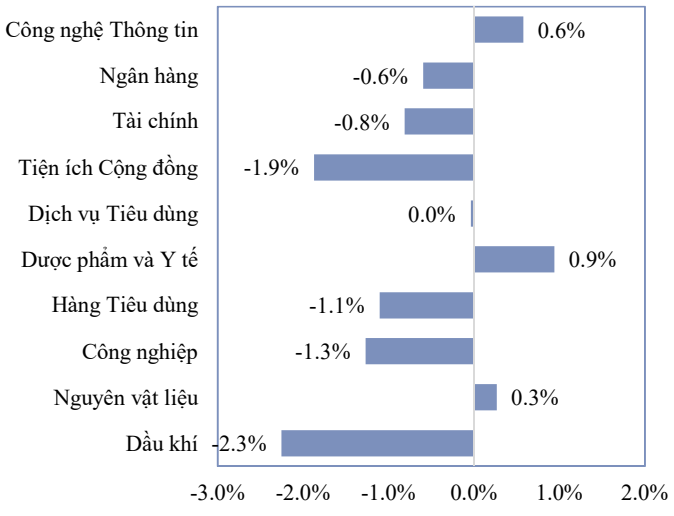

Thanh khoản ngành

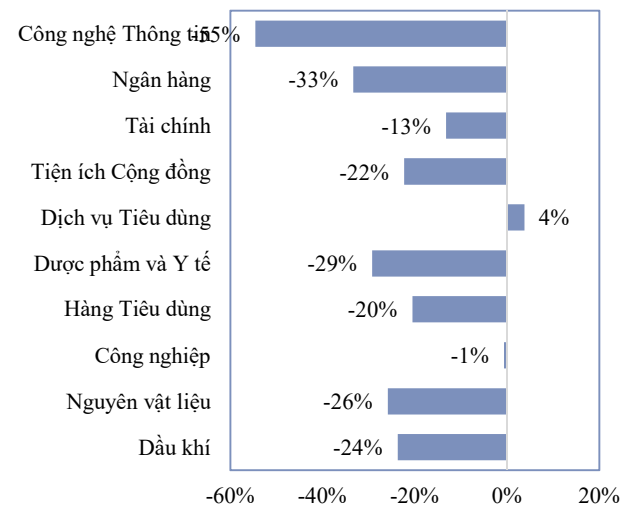

Chỉ số định giá

	PE	PB
Dầu khí	19.94	1.33
Nguyên vật liệu	13.39	1.09
Công nghiệp	14.08	1.82
Hàng Tiêu dùng	18.37	2.90
Dược phẩm và Y tế	13.85	2.00
Dịch vụ Tiêu dùng	16.81	3.14
Tiện ích Cộng đồng	14.11	2.15
Tài chính	21.16	2.67
Ngân hàng	11.27	1.79
Công nghệ Thông tin	12.38	2.04

Source: FiinPro

Giao dịch khối ngoại

- Khối ngoại mua ròng nhẹ 24 tỷ trên 3 sàn
- Trong đó, mua ròng 49 tỷ sàn HOSE, bán ròng 18 tỷ sàn HNX, và bán r òng 8 tỷ sàn UPCOM

Giao dịch khối ngoại 10 tuần gần nhất

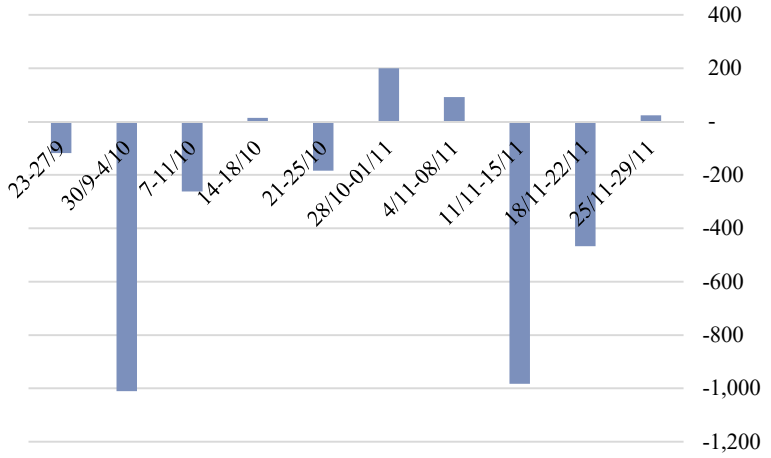

Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Mua ròng
1	VRE	HOSE	221,317	120,043	101,274
2	E1VFVN30	HOSE	120,868	23,309	97,558
3	HPG	HOSE	186,169	93,168	93,000
4	VNM	HOSE	482,855	444,604	38,251
5	ROS	HOSE	153,908	121,738	32,170
6	VHM	HOSE	168,839	136,926	31,913
7	BID	HOSE	37,342	10,026	27,316
8	DHC	HOSE	20,246	368	19,878
9	KBC	HOSE	67,995	50,421	17,573
10	HDG	HOSE	17,110	617	16,493
11	PLX	HOSE	20,814	4,497	16,317
12	HVN	HOSE	22,083	6,629	15,454
13	VJC	HOSE	48,409	36,339	12,071
14	KDH	HOSE	51,829	39,793	12,036
15	PPC	HOSE	14,491	4,508	9,983

Source: FiinPro

Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Bán ròng
1	VIC	HOSE	171,650	282,135	-110,485
2	VCB	HOSE	111,480	173,249	-61,769
3	SSI	HOSE	4,452	52,439	-47,987
4	STB	HOSE	294	47,397	-47,104
5	NVL	HOSE	2,930	32,726	-29,796
6	DXG	HOSE	24,982	54,581	-29,599
7	PVS	HNX	1,287	28,655	-27,368
8	SAB	HOSE	86,907	113,945	-27,038
9	PVD	HOSE	495	27,374	-26,879
10	VPI	HOSE	2	24,086	-24,083
11	NT2	HOSE	45,488	65,181	-19,693
12	VCI	HOSE	23,183	41,589	-18,406
13	HCM	HOSE	950	17,766	-16,816
14	FRT	HOSE	4,959	20,690	-15,731
15	GEX	HOSE	920	15,638	-14,718

Source: FiinPro

Lãi suất và tỷ giá

- Lãi suất qua đêm – liên ngân hàng tăng mạnh 147 điểm cơ bản lên mức 3.82%/năm. NHNN phát hành 49,178 tỷ đồng tín phiếu mới, trong khi có 12,999 t ỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Như vậy, đã có khoảng 36,179 tỷ đồng được bơm vào hệ thống ngân hàng. Nhu cầu vốn tại các ngân hàng để đáp ứng nhu cầu sả n xuất kinh doanh tăng thêm vào các tháng cuối năm là rất lớn. Lãi suất liên ngân hàng thường tăng rất mạnh trong tháng cuối năm.
- Lãi suất trái phiếu chính phủ - 3 năm giảm 7 điểm cơ bản xuống mức 2.26%/năm
- Tỷ giá đi ngang giảm 15 về mức 23,140 và 23,260 cho chiều mua và bán. Tỷ giá cũng đang rất ổn định trong năm 2019

Lãi suất

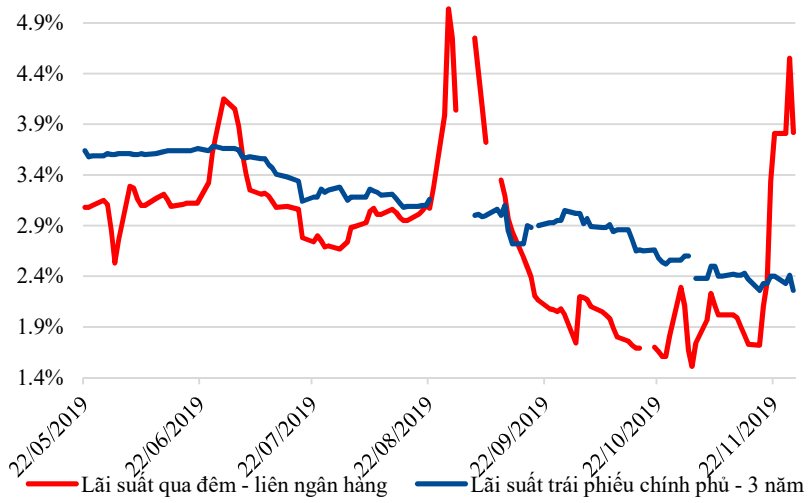

Nguồn: FiinPro

Tỷ giá USD/VND tại Vietcombank

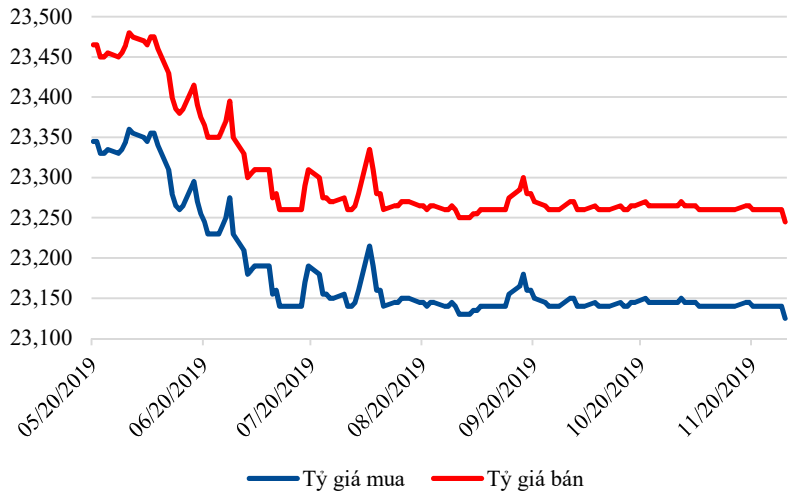

Nguồn: FiinPro

Triển vọng tuần này

• TTCK Việt Nam thường giảm điểm trong tháng 12

TTCK Việt Nam thường giảm điểm trong các tháng cuối năm (tháng 11 và 12). Có 2 lý do cho việc này: 1) chúng ta thường đẩy mạnh sản xuất kinh doanh vào dịp cuối năm, do đó nhu cầu vốn là rất lớn và nhiều nhà đầu tư chuyển vốn từ chứng khoán sang hoạt động sản xuất kinh doanh; và 2) nhiều ngân hàng đã đẩy mạnh cho vay các tháng đầu năm và đã hết hạn mức tín dụng cho lĩnh vực rủi ro như chứng khoán trong các tháng cuối năm. Tuy nhiên, có thể kỳ vọng vào tuần cuối của tháng 12, các quỹ đầu tư sẽ đẩy NAV cuối năm, và TTCK sẽ lấy lại đà tăng điểm và xu hướng twang từ tuần cuối của tháng 12.

• Quỹ ETF FTSE sẽ công bố danh mục mới vào thứ 6 tuần này

Nhiều công ty chứng khoán dự đoán rằng, FTSE sẽ loại GEX ra khỏi danh mục do không đáp ứng được tiêu chí về thanh khoản trong kỳ cơ cấu danh mục, và sẽ không thêm mới cổ phiếu nào. Quỹ ETF FTSE hiện có tổng tài sản là 255 triệu EUR (tương đương 6,545 tỷ đồng). Và quỹ này sẽ tiến hành tái cơ cấu (mua bán) và tuần thứ 3 của tháng, đặc biệt là đặt các lệnh mua bán ATC vào ngày thứ 6 của tuần.

Biến động của Vn-Index trong các tháng (%)

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
2009	-3.93	-18.95	14.21	14.59	27.99	8.9	4.12	17.14	6.24	1.07	-14.14	-1.85
2010	-2.59	3.1	0.47	8.64	-6.44	-0.6	-2.61	-7.86	-0.12	-0.42	-0.23	7.32
2011	5.35	-9.64	-0.05	4.11	-12.23	2.65	-6.12	4.69	0.68	-1.59	-9.53	-7.65
2012	10.36	9.19	4.1	7.42	-9.41	-1.59	-1.87	-4.45	-0.87	-1.03	-2.73	9.5
2013	15.97	-1.09	3.47	-3.37	9.25	-7.19	2.23	-3.89	4.22	0.97	2.08	-0.62
2014	10.28	5.38	0.87	-2.29	-2.76	2.87	3.1	6.81	-5.95	0.34	-5.7	-3.7
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-0.37	7.95	-5.63	1.02
2016	-5.83	2.59	0.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-0.3
2017	4.87	1.94	1.62	-0.63	2.8	5.28	0.91	-0.1	2.77	4.08	13.45	3.61
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-0.5	3.47	2.79	-10.06	1.29	-9.32
2019	2.03	6.02	1.58	-0.11	-2.02	-1.03	4.39	-0.77	1.27	0.23	-2.8	?

Nguồn: FiinPro

Dự đoán khối lượng mua/bán của quỹ ETF FTSE

STT	Mã	SSI	BSC	BVSC
1	VIC	167,307	444,957	396,481
2	VNM	47,076	91,654	135,424
3	VHM	-812,552	-475,972	-485,700
4	MSN	56,997	255,451	287,270
5	VCB	74,792	134,990	804,654
6	VJC	-82,879	-74,922	-486,323
7	NVL	-582,424	148,956	109,596
8	SSI	-673,307	-602,610	-1,238,983
9	SBT	878,363	797,712	429,351
10	TCH	-146,845	-41,238	-153,764
11	ROS	403,463	139,842	539,771
12	KBC	311,168	242,856	116,250
13	PVD	185,281	117,461	707,109
14	PDR	-630,469	-496,252	157,713
15	GEX	-3,911,168	-3,914,137	-3,770,037

Nguồn: Các công ty chứng khoán

NH Securities Vietnam

DISCLAIMER

The research is based on current public information that NHSV considers reliable, but NHSV does not represent it as accurate or complete and it should not be relied on as such. Furthermore, the research does not take into account particular investment objectives, financial situations or individual client needs, and NHSV is in no way legally responsible for future returns or loss of original capital. All materials in this report are the intellectual property of NHSV. Copying, distributin g, transmitting, transforming or lending of this material without NHSV consent is prohibited.